

Số: /TTr-UBND

Kiên Giang, ngày tháng năm 2024

## TỜ TRÌNH

**Đề nghị xây dựng Nghị quyết quy định một số chính sách khen thưởng, hỗ trợ đối với tập thể, cá nhân thực hiện tốt công tác dân số trên địa bàn tỉnh Kiên Giang**

Kính gửi: Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh.

Thực hiện quy định của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2020, Ủy ban nhân dân tỉnh kính trình Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh xem xét đề nghị xây dựng Nghị quyết quy định một số chính sách khen thưởng, hỗ trợ đối với tập thể, cá nhân thực hiện tốt công tác dân số trên địa bàn tỉnh Kiên Giang, như sau:

### I. SỰ CẦN THIẾT BAN HÀNH VĂN BẢN

Thực hiện Nghị quyết số 21-NQ/TW ngày 25 tháng 10 năm 2017 Hội nghị lần thứ sáu Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XII về “*công tác dân số trong tình hình mới*”; Nghị quyết số 137/NQ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2017 của Chính phủ ban hành Chương trình hành động thực hiện Nghị quyết số 21-NQ/TW ngày 07 tháng 12 năm 2018. Quyết định 1679/QĐ-TTg ngày 21 tháng 11 năm 2019 phê duyệt Chiến lược Dân số Việt Nam đến năm 2023. Sau khi tiếp thu Nghị quyết số 21-NQ/TW, Ban Thường vụ Tỉnh ủy ban hành Chương trình hành động số 34-CTr/TU, ngày 29/12/2017 để lãnh đạo, chỉ đạo thực hiện về tăng cường công tác dân số trong tình hình mới.

Sau gần 05 năm triển khai thực hiện Nghị quyết số 21/2018/NQ-HĐND, với tiêu chí áp dụng cho đối tượng thực hiện Nghị quyết bị hạn chế đối tượng thụ hưởng; so với nhu cầu thực hiện công tác dân số và phát triển hiện nay, các ý kiến chỉ đạo bằng văn bản từ Thủ tướng Chính phủ, Bộ Y tế thì những chính sách của Nghị quyết chưa bao phủ hết nhu cầu thực hiện,...

Ngày 28 tháng 4 năm 2020, Thủ tướng Chính phủ ban hành Quyết định số 588/QĐ-TTg về phê duyệt “Chương trình điều chỉnh mức sinh vùng, đối tượng đến năm 2030”, Kiên Giang là 01 trong 21 tỉnh/thành phố có mức sinh thấp. Tại Điều 2 của Quyết định số 588/QĐ-TTg quy định “*Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương trình cấp có thẩm quyền hoặc ban hành theo thẩm quyền các Nghị quyết, Quyết định về hỗ trợ, khuyến khích mỗi cặp vợ chồng nên sinh đủ 02 con; bố trí kinh phí để thực hiện Chương trình tại địa phương*”.

Đến ngày 25 tháng 01 năm 2021, Bộ trưởng Bộ Y tế ban hành Thông tư số 01/2021/TT-BYT về hướng dẫn một số nội dung để địa phương ban hành chính sách khen thưởng, hỗ trợ đối với tập thể, cá nhân thực hiện tốt công tác dân số.

Đồng thời, ngày 09 tháng 12 năm 2021 Bộ trưởng Bộ Y tế ban hành Thông tư số 23/2021/TT-BYT về sửa đổi, bổ sung một số văn bản quy phạm pháp luật do Bộ trưởng Bộ Y tế ban hành có hiệu lực thi hành từ ngày 22 tháng 01 năm 2022. Theo đó, tại khoản 4 Điều 1 của Thông tư số 23/2021/TT-BYT đã sửa đổi, bổ sung nội dung khoản 2 Điều 7 Thông tư số 01/2021/TT-BYT ngày 25 tháng 01 năm 2021, như sau: “*Căn cứ nội dung hướng dẫn tại Thông tư, Sở Y tế chủ trì, phối hợp với các Sở, ban, ngành, đơn vị liên quan tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh trình Hội đồng nhân dân tỉnh ban hành nội dung khuyến khích, khen thưởng, mức hỗ trợ bằng tiền hoặc hiện vật đối với tập thể, cá nhân thực hiện tốt chính sách dân số của địa phương*”. Theo đó, nội dung khuyến khích, khen thưởng, mức hỗ trợ bằng tiền hoặc hiện vật đối với tập thể, cá nhân thực hiện tốt chính sách dân số của địa phương thuộc thẩm quyền ban hành của Hội đồng nhân dân tỉnh.

Hiện nay, Kiên Giang là 01 trong 21 tỉnh, thành phố có mức sinh thấp, chất lượng dân số tuy có cải thiện nhưng vẫn còn chậm, tỷ số giới tính khi sinh tăng giảm không ổn định,... Do đó, nhằm đẩy mạnh thực hiện đạt hiệu quả công tác vận động tăng sinh, cải thiện và nâng cao chất lượng dân số cho người dân trên địa bàn tỉnh Kiên Giang, việc xây dựng Nghị quyết quy định một số chính sách khen thưởng, hỗ trợ đối với tập thể, cá nhân thực hiện tốt công tác dân số trên địa bàn tỉnh Kiên Giang là yêu cầu cần thiết. Nghị quyết được ban hành đảm bảo đúng quy định về thẩm quyền ban hành văn bản, cũng như kịp thời điều chỉnh, bổ sung các nội dung, mức hỗ trợ đối với những tập thể, cá nhân thực hiện tốt công tác dân số theo quy định hiện hành.

## **II. MỤC ĐÍCH, QUAN ĐIỂM XÂY DỰNG VĂN BẢN**

### **1. Mục đích**

Giải quyết toàn diện, đồng bộ các vấn đề quy mô, cơ cấu, chất lượng dân số và phân bố dân cư đặt trong mối quan hệ qua lại với phát triển kinh tế - xã hội. Tiếp tục thực hiện mục tiêu tăng sinh, tiến đến đạt và duy trì mức sinh thay thế 2,1 con/phụ nữ đến năm 2030. Đưa tỷ số giới tính khi sinh về mức cân bằng tự nhiên, tận dụng lợi thế cơ cấu dân số vàng, thích ứng với già hóa dân số; nâng cao thể lực, tầm vóc, chất lượng dân số, góp phần nâng cao chất lượng nguồn nhân lực phục vụ cho sự phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh trong tình hình mới.

### **2. Quan điểm xây dựng văn bản**

- Chuyển trọng tâm chính sách dân số từ dân số - kế hoạch hóa gia đình sang dân số và phát triển. Công tác dân số phải chú trọng toàn diện các mặt quy mô, cơ cấu, phân bố, đặc biệt là chất lượng dân số và đặt trong mối quan hệ hữu cơ với các yếu tố kinh tế, xã hội, quốc phòng, an ninh và bảo đảm phát triển nhanh, bền vững.

- Chính sách dân số phải bảo đảm cân bằng, hài hòa giữa quyền và nghĩa vụ của mọi người dân; giữa việc tuyên truyền, vận động, nâng cao nhận thức, thay đổi hành vi với thực thi nghiêm kỷ cương pháp luật; giữa việc mở rộng, ứng dụng các kỹ thuật mới với việc nâng cao chất lượng dịch vụ, đáp ứng nhu cầu ngày càng cao của Nhân dân.

- Đầu tư cho công tác dân số là đầu tư cho phát triển. Nhà nước ưu tiên bố trí ngân sách, đồng thời đẩy mạnh xã hội hóa; tranh thủ sự hỗ trợ xã hội hóa để bảo đảm nguồn lực cho công tác dân số.

- Xây dựng và ban hành Nghị quyết quy định một số chính sách khen thưởng, hỗ trợ đối với tập thể, cá nhân thực hiện tốt công tác dân số trên địa bàn tỉnh Kiên Giang là phù hợp với nhu cầu thực tế khi triển khai thực hiện các giải pháp dân số và phát triển trên địa bàn tỉnh trong thời gian tới.

- Nguồn lực tài chính thực hiện các chính sách của Nghị quyết được đảm bảo theo quy định và khả năng ngân sách địa phương.

- Nghị quyết được ban hành đảm bảo với các quy định về việc ban hành văn bản quy phạm pháp luật của nhà nước, đáp ứng sự chỉ đạo từ các văn bản của Chính phủ.

### **III. PHẠM VI ĐIỀU CHỈNH, ĐỐI TƯỢNG ÁP DỤNG CỦA VĂN BẢN**

#### **1. Phạm vi điều chỉnh**

Nghị quyết này quy định một số chính sách khen thưởng, hỗ trợ đối với tập thể, cá nhân thực hiện tốt công tác dân số trên địa bàn tỉnh Kiên Giang.

#### **2. Đối tượng áp dụng**

Nghị quyết này áp dụng cho các cơ quan, đơn vị, gia đình, cá nhân có liên quan thực hiện chính sách dân số trên địa bàn tỉnh Kiên Giang.

### **IV. MỤC TIÊU, NỘI DUNG CỦA CHÍNH SÁCH, GIẢI PHÁP THỰC HIỆN CHÍNH SÁCH TRONG ĐỀ NGHỊ XÂY DỰNG VĂN BẢN**

**1. Chính sách 1: Chính sách khen thưởng, hỗ trợ thực hiện sinh đủ 02 con tiến đến đạt và duy trì mức sinh thay thế.**

a) Mục tiêu của chính sách:

- Mục tiêu chung: Điều chỉnh, phấn đấu đạt và duy trì vững chắc mức sinh thay thế, tiến tới ổn định quy mô dân số, phân bố dân số phù hợp, làm chậm quá trình già quá dân số, kéo dài thời kỳ dân số vàng, góp phần nâng cao chất lượng dân số, đảm bảo nguồn lực có chất lượng cho sự phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh trong thời gian tới.

- Mục tiêu cụ thể:

+ Mục tiêu 1: Phấn đấu đạt và duy trì mức sinh đạt 2,1 con/phụ nữ năm 2030.

+ Mục tiêu 2: Giảm 50% chênh lệch mức sinh giữa thành thị, nông thôn vào năm 2030; 100% huyện, thành phố đạt mức sinh thay thế năm 2030.

+ Mục tiêu 3: 100% phụ nữ trong độ tuổi sinh đẻ được tiếp cận thuận tiện với các biện pháp tránh thai hiện đại, hỗ trợ sinh sản và dự phòng vô sinh tại cộng đồng.

b) Nội dung của chính sách

Triển khai thực hiện mô hình xã sinh đủ 02 con trên địa bàn tỉnh Kiên Giang và hỗ trợ phụ nữ sinh đủ 02 con trước 35 tuổi.

c) Giải pháp thực hiện chính sách được chọn

- Khen thưởng:

Tập thể:

Khen thưởng xã, phường, thị trấn:

- Tặng giấy khen của Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện, thành phố, thưởng kèm 20.000.000 đồng/xã duy trì đạt và vượt 60% cặp vợ chồng trong độ tuổi sinh đẻ sinh đủ 02 con trong 03 năm liên tục. Nguồn kinh phí từ Quỹ Thi đua - Khen thưởng cấp huyện, thành phố.

- Tặng bằng khen của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, thưởng kèm 30.000.000 đồng/xã duy trì đạt và vượt 60% cặp vợ chồng trong độ tuổi sinh đẻ sinh đủ 02 con trong 05 năm liên tục. Nguồn kinh phí từ Quỹ Thi đua - Khen thưởng tỉnh.

Khen thưởng cá nhân:

- Tặng giấy khen của Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện, thành phố cho cặp vợ chồng sinh đủ 02 con trước 35 tuổi. Hình thức khen thưởng là giấy khen Chủ tịch UBND cấp huyện, thành phố kèm theo tiền thưởng bằng 0,3 lần mức lương cơ sở hiện hành/cộng tác viên. Nguồn kinh phí cấp huyện, thành phố.

- Cộng tác viên dân số thực hiện đạt, vượt chỉ tiêu về vận động đối tượng tham gia thực hiện sàng lọc trước sinh, sơ sinh; người cao tuổi tham gia khám sức khỏe định kỳ. Hình thức khen thưởng là giấy khen Chủ tịch UBND cấp huyện, thành phố kèm theo tiền thưởng bằng 0,3 lần mức lương cơ sở hiện hành/cộng tác viên. Nguồn kinh phí cấp huyện, thành phố.

Hỗ trợ phụ nữ sinh đủ 02 con trước 35 tuổi

- Hỗ trợ chi phí khám sàng lọc trước sinh (*siêu âm và xét nghiệm Down, Edward, Patau, Di tật ống thần kinh, Thalassemia,...*) và sàng lọc sơ sinh (*Thiếu men G6PD, Suy giáp bẩm sinh, Tăng sản tuyến thượng thận bẩm sinh, Đứt bẩm sinh, Tim bẩm sinh*) theo giá dịch vụ y tế hiện hành cho đối tượng mang thai lần thứ 02. Nguồn kinh phí từ nguồn sự nghiệp y tế.

- Hỗ trợ 1.500.000 đồng tiền viện phí. Áp dụng cho phụ nữ sinh con lần đầu mà sinh đôi trở lên hoặc phụ nữ sinh lần thứ 02 trở lên nhưng không vi phạm chính sách dân số. Nguồn kinh phí từ nguồn sự nghiệp y tế.

- Hỗ trợ 2.000.000 đồng chi phí khám sàng lọc vô sinh. Áp dụng cho các cặp vợ chồng mong con lần 1 và không sử dụng biện pháp tránh thai nào từ 01 năm trở lên hoặc cho các cặp vợ chồng mong con lần 2 (*sau khi sinh đứa con thứ nhất từ 03 năm trở lên*) và không sử dụng biện pháp tránh thai nào từ 06 tháng trở lên. Nguồn kinh phí từ nguồn sự nghiệp y tế.

d) Lý do lựa chọn giải pháp: Giải pháp triển khai thực hiện sẽ giải quyết được vấn đề mức sinh thấp hiện nay của địa phương, tiến đến đạt và duy trì mức sinh thay thế. Từ đó, ổn định được quy mô dân số, kéo dài thời kỳ dân số vàng, làm chậm tốc độ già hóa dân số; tránh được các hệ lụy trong xã hội khi mức sinh thấp và già hóa dân số.

## 2. Chính sách 2: Chính sách kiểm soát tình trạng mất cân bằng giới tính khi sinh

a) Mục tiêu của chính sách:

Mục tiêu chung: Nâng cao nhận thức, quan niệm người dân về vị trí, vai trò nam, nữ trong xã hội; đưa tỷ số giới tính khi sinh về mức cân bằng tự nhiên, góp phần tạo sự bình đẳng giới trong xã hội.

Mục tiêu cụ thể: Tỷ số giới tính khi sinh đạt dưới 109 bé trai/100 bé gái sinh ra sống vào năm 2030.

b) Nội dung của chính sách

Tổ chức tuyên dương, khen thưởng cấp tỉnh, huyện cho cặp vợ chồng sinh đủ 02 con một bề là gái.

c) Giải pháp thực hiện chính sách được chọn

Tặng giấy khen của Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện, thành phố cho cặp vợ chồng sinh đủ 02 con một bề là gái, cả 02 con gái học từ khá trở lên và chấp hành tốt chính sách dân số kể từ sinh con gái thứ 02. Nguồn kinh phí từ Quỹ Thi đua - Khen thưởng cấp huyện.

Tặng bằng khen của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh cho cặp vợ chồng sinh đủ 02 con một bề là gái, cả 02 con gái đều không suy dinh dưỡng, học giỏi hoặc thành đạt (*làm việc tại cơ quan nhà nước, công ty, xí nghiệp, kinh doanh,...*) và chấp hành tốt chính sách dân số kể từ sinh con gái thứ 02. Nguồn kinh phí từ Quỹ Thi đua - Khen thưởng tỉnh.

d) Lý do lựa chọn giải pháp: Việc triển khai thực hiện giải pháp giúp kiểm soát tỷ số giới tính khi sinh, tiến đến đưa tỷ số giới tính khi sinh về mức cân bằng tự nhiên và nâng cao vai trò, vị trí nữ giới trong xã hội.

## 3. Chính sách 3: Chính sách nâng cao chất lượng dân số

a) Mục tiêu của chính sách

- Mục tiêu chung: Nâng cao nhận thức, chủ động trong toàn dân tham gia thực hiện các giải pháp nâng cao chất lượng dân số, đảm bảo nguồn lực lao động có chất lượng cho xã hội, phục vụ hiệu quả cho mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội địa phương trong thời gian tới.

- Mục tiêu cụ thể:

Mục tiêu 1: Tỷ lệ nam, nữ thanh niên được tư vấn, khám sức khỏe trước khi kết hôn đạt 90% năm 2030.

Mục tiêu 2: Tỷ lệ phụ nữ mang thai được tầm soát ít nhất 4 loại bệnh, tật bẩm sinh phổ biến nhất đạt 70% năm 2030.

Mục tiêu 3: Tỷ lệ trẻ sơ sinh được tầm soát ít nhất 5 loại bệnh bẩm sinh phổ biến nhất đạt 90% năm 2030.

Mục tiêu 4: Tuổi thọ bình quân đạt 75,5 tuổi vào năm 2030; trong đó thời gian sống khỏe mạnh đạt tối thiểu 68 năm vào năm 2030.

Mục tiêu 5: Chiều cao người Kiên Giang tới 18 tuổi đạt khoảng 168,5 cm đối với nam, đạt 157,5 cm đối với nữ vào năm 2030.

Mục tiêu 6: Tiếp tục cải thiện tình trạng thiếu vi chất dinh dưỡng ở phụ nữ mang thai, phụ nữ tuổi sinh đẻ và trẻ em dưới 05 tuổi.

#### b) Nội dung của chính sách

Hỗ trợ chi phí khám sàng lọc, chẩn đoán trước sinh và sơ sinh cho phụ nữ, trẻ sơ sinh thuộc hộ nghèo, cận nghèo, bảo trợ xã hội và vùng đồng bào dân tộc thiểu số trên địa bàn tỉnh theo giá dịch vụ y tế hiện hành.

#### c) Giải pháp thực hiện chính sách được chọn

- Hỗ trợ chi phí khám sàng lọc, chẩn đoán trước sinh cho phụ nữ thuộc hộ nghèo, cận nghèo, bảo trợ xã hội và vùng đồng bào dân tộc thiểu số trên địa bàn tỉnh theo giá dịch vụ y tế hiện hành. Nguồn kinh phí từ nguồn sự nghiệp y tế.

- Hỗ trợ chi phí khám sàng lọc, chẩn đoán sơ sinh cho trẻ sơ sinh thuộc hộ nghèo, cận nghèo, bảo trợ xã hội và vùng đồng bào dân tộc thiểu số trên địa bàn tỉnh theo giá dịch vụ y tế hiện hành. Nguồn kinh phí từ nguồn sự nghiệp y tế.

Ngoài các đối tượng được hỗ trợ tại điểm d khoản 1 Điều 2 và tại điểm a, điểm b khoản 3 Điều 2 thì giao Ủy ban nhân dân cấp huyện, thành phố thực hiện xã hội hóa sàng lọc trước sinh, sơ sinh đảm bảo theo chỉ tiêu giao hàng năm.

d) Lý do lựa chọn giải pháp: Các giải pháp của chính sách được chọn giúp phát hiện và điều trị kịp thời các trường hợp phụ nữ mang thai, trẻ sơ sinh mắc bệnh, dị tật bẩm sinh. Từ đó, giúp sinh ra những đứa trẻ hoàn toàn khỏe mạnh, đảm bảo nguồn lực lao động có chất lượng trong thời gian tới.

## **V. DỰ KIẾN NGUỒN LỰC, ĐIỀU KIỆN ĐẢM BẢO CHO VIỆC THI HÀNH VĂN BẢN SAU KHI ĐƯỢC THÔNG QUA**

### **1. Nguồn lực về kinh phí thực hiện**

Kinh phí thực hiện Nghị quyết được đảm bảo từ nguồn sự nghiệp y tế, ngân sách cấp tỉnh cấp, huyện và các nguồn kinh phí hợp pháp khác theo quy định.

### **2. Nguồn lực về nhân sự**

Hiện nay, mô hình tổ chức bộ máy ngành dân số đang triển khai thực hiện trên địa bàn toàn tỉnh như sau:

- + Cấp tỉnh: Chi cục Dân số - KHHGD, trực thuộc Sở Y tế.
- + Cấp huyện: Phòng Truyền thông Dân số và giáo dục sức khỏe, trực thuộc Trung tâm Y tế huyện, thành phố.
- + Cấp xã: Viên chức dân số xã, trực thuộc Trạm Y tế.
- + Ấp, khu vực: Có 2.557 cộng tác viên Y tế - Dân số phủ khắp các ấp, khu vực trên địa bàn toàn tỉnh.

### **3. Điều kiện đảm bảo thi hành văn bản sau khi được thông qua:**

- Tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành kế hoạch thực hiện Nghị quyết quy định một số chính sách khen thưởng, hỗ trợ đối với tập thể, cá nhân thực hiện tốt công tác dân số trên địa bàn tỉnh Kiên Giang.

- Hàng năm, kinh phí thực hiện Nghị quyết được đảm bảo từ nguồn sự nghiệp y tế, ngân sách cấp tỉnh, huyện, thành phố và các nguồn kinh phí hợp pháp khác theo quy định.

### **VI. THỜI GIAN DỰ KIẾN TRÌNH THÔNG QUA VĂN BẢN**

Dự kiến thông qua tại kỳ họp năm 2024.

Trên đây là Tờ trình đề nghị xây dựng Nghị quyết quy định một số chính sách khen thưởng, hỗ trợ đối với tập thể, cá nhân thực hiện tốt công tác dân số trên địa bàn tỉnh Kiên Giang, Ủy ban nhân dân tỉnh kính trình Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh xem xét, quyết định./.

#### ***Nơi nhận:***

- Như trên;
- TV UBND tỉnh;
- Các Sở: Y tế, Tài chính và Tư pháp;
- LĐVP, Phòng Công tác HĐND;
- Lưu: VT, ntmthu.

**T/M. ỦY BAN NHÂN DÂN  
CHỦ TỊCH**

Số: /2024/NQ-HĐND

Kiên Giang, ngày tháng năm 2024

**DỰ THẢO**

**NGHỊ QUYẾT**

**Quy định một số chính sách khen thưởng, hỗ trợ đối với tập thể, cá nhân thực hiện tốt công tác dân số trên địa bàn tỉnh Kiên Giang**

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH KIÊN GIANG  
KHÓA ..... KỲ HỌP THỨ .....**

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2025;

Nghị định số 34/2016/NĐ-CP ngày 14 tháng 5 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật;

Nghị định số 154/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 34//2016/NĐ-CP ngày 14 tháng 5 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 18 tháng 6 năm 2020;

Xét Tờ trình số /TTr-UBND ngày tháng năm 2024 của Ủy ban nhân dân tỉnh Kiên Giang về dự thảo Nghị quyết Quy định một số chính sách khen thưởng, hỗ trợ đối với tập thể, cá nhân thực hiện tốt công tác dân số trên địa bàn tỉnh Kiên Giang; báo cáo thẩm tra của Ban Văn hóa - Xã hội Hội đồng nhân dân tỉnh; ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân tại kỳ họp.

**QUYẾT NGHỊ:**

**Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng**

**1. Phạm vi điều chỉnh**

Nghị quyết này quy định một số chính sách khen thưởng, hỗ trợ đối với tập thể, cá nhân thực hiện tốt công tác dân số trên địa bàn tỉnh Kiên Giang.

**2. Đối tượng áp dụng**

a) Cộng tác viên dân số.

b) Cơ quan, tổ chức và cá nhân có liên quan.



## **Điều 2. Quy định một số chính sách khen thưởng, hỗ trợ đối với tập thể, cá nhân thực hiện tốt công tác dân số trên địa bàn tỉnh Kiên Giang**

1. Chính sách khen thưởng, hỗ trợ thực hiện sinh đủ 02 con tiến đến đạt và duy trì mức sinh thay thế.

a) Khen thưởng xã, phường, thị trấn

- Tặng giấy khen của Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện, thành phố, thưởng kèm 20.000.000 đồng/xã duy trì đạt và vượt 60% cặp vợ chồng trong độ tuổi sinh đẻ sinh đủ 02 con trong 03 năm liên tục. Nguồn kinh phí từ Quỹ Thi đua - Khen thưởng cấp huyện, thành phố.

- Tặng bằng khen của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, thưởng kèm 30.000.000 đồng/xã duy trì đạt và vượt 60% cặp vợ chồng trong độ tuổi sinh đẻ sinh đủ 02 con trong 05 năm liên tục. Nguồn kinh phí từ Quỹ Thi đua - Khen thưởng tỉnh.

b) Khen thưởng cá nhân

- Tặng giấy khen của Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện, thành phố cho cặp vợ chồng sinh đủ 02 con trước 35 tuổi. Hình thức khen thưởng là giấy khen Chủ tịch UBND cấp huyện, thành phố kèm theo tiền thưởng bằng 0,3 lần mức lương cơ sở hiện hành/cộng tác viên. Nguồn kinh phí cấp huyện, thành phố.

- Cộng tác viên dân số thực hiện đạt, vượt chỉ tiêu về vận động đối tượng tham gia thực hiện sàng lọc trước sinh, sơ sinh; người cao tuổi tham gia khám sức khỏe định kỳ. Hình thức khen thưởng là giấy khen Chủ tịch UBND cấp huyện, thành phố kèm theo tiền thưởng bằng 0,3 lần mức lương cơ sở hiện hành/cộng tác viên. Nguồn kinh phí cấp huyện, thành phố.

c) Hỗ trợ phụ nữ sinh đủ 02 con trước 35 tuổi

- Hỗ trợ chi phí khám sàng lọc trước sinh (*siêu âm và xét nghiệm Down, Edward Patau, Dị tật ống thần kinh, Thalassemia, ...*) và sàng lọc sơ sinh (*Thiếu men G6PD, Suy giáp bẩm sinh, Tăng sản tuyến thượng thận bẩm sinh, Đái tháo bẩm sinh, Tim bẩm sinh*) theo giá dịch vụ y tế hiện hành cho đối tượng mang thai lần thứ 02. Nguồn kinh phí từ nguồn sự nghiệp y tế.

- Hỗ trợ 1.500.000 đồng tiền viện phí. Áp dụng cho phụ nữ sinh con lần đầu mà sinh đôi trở lên hoặc phụ nữ sinh lần thứ 02 trở lên nhưng không vi phạm chính sách dân số. Nguồn kinh phí từ nguồn sự nghiệp y tế.

- Hỗ trợ 2.000.000 đồng chi phí khám sàng lọc vô sinh. Áp dụng cho các cặp vợ chồng mong con lần 1 và không sử dụng biện pháp tránh thai nào từ 01 năm trở lên hoặc cho các cặp vợ chồng mong con lần 2 (*sau khi sinh đứa con thứ nhất từ 03 năm trở lên*) và không sử dụng biện pháp tránh thai nào từ 06 tháng trở lên. Nguồn kinh phí từ nguồn sự nghiệp y tế.

2. Chính sách kiểm soát tình trạng mất cân bằng giới tính khi sinh.

Tặng giấy khen của Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện, thành phố cho cặp vợ chồng sinh đủ 02 con một bề là gái, cả 02 con gái học từ khá trở lên và chấp hành tốt chính sách

dân số kê từ sinh con gái thứ 02. Nguồn kinh phí từ Quỹ Thi đua - Khen thưởng cấp huyện, thành phố.

### 3. Chính sách nâng cao chất lượng dân số.

a) Hỗ trợ chi phí khám sàng lọc, chẩn đoán trước sinh cho phụ nữ thuộc hộ nghèo, cận nghèo, bảo trợ xã hội và vùng đồng bào dân tộc thiểu số trên địa bàn tỉnh theo giá dịch vụ y tế hiện hành. Nguồn kinh phí từ nguồn sự nghiệp y tế.

b) Hỗ trợ chi phí khám sàng lọc, chẩn đoán sơ sinh cho trẻ sơ sinh thuộc hộ nghèo, cận nghèo, bảo trợ xã hội và vùng đồng bào dân tộc thiểu số trên địa bàn tỉnh theo giá dịch vụ y tế hiện hành. Nguồn kinh phí từ nguồn sự nghiệp y tế.

c) Ngoài các đối tượng được hỗ trợ tại điểm d khoản 1 Điều 2 và tại điểm a, điểm b khoản 3 Điều 2 thì giao Ủy ban nhân dân cấp huyện, thành phố thực hiện xã hội hóa sàng lọc trước sinh, sơ sinh đảm bảo theo chỉ tiêu giao hàng năm.

### **Điều 3. Kinh phí thực hiện**

Kinh phí thực hiện được đảm bảo từ ngân sách nhà nước theo phân cấp ngân sách hiện hành và nguồn kinh phí hợp pháp khác theo quy định.

### **Điều 4. Tổ chức thực hiện**

1. Hội đồng nhân dân tỉnh giao Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức thực hiện Nghị quyết này.

2. Thường trực Hội đồng nhân dân, các ban Hội đồng nhân dân, các Tổ đại biểu và đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát việc thực hiện Nghị quyết này.

3. Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh Kiên Giang Khóa ... kỳ họp thứ ..... thông qua ngày .....tháng .... năm 2024 và có hiệu lực từ ngày ..... tháng .... năm 2024./.

#### **Nơi nhận:**

- Ủy ban Thường vụ Quốc hội;
- Chính phủ;
- Bộ Y tế; Cục dân số;
- Cục kiểm tra BBQPPL- Bộ Tư pháp;
- Thường trực Tỉnh ủy;
- Thường trực HĐND;
- UBND tỉnh;
- Đoàn đại biểu Quốc hội tỉnh;
- Ủy ban MTTQVN tỉnh;
- Đại biểu HĐND tỉnh;
- Các sở, ngành, đoàn thể cấp tỉnh;
- Thường trực HĐND cấp huyện;
- Công báo tỉnh;
- Lãnh đạo Văn phòng;
- Phòng Công tác HĐND
- Hồ sơ công việc;
- Lưu: VT.

**CHỦ TỊCH**